

2025-2026 USA Fencing Rolling Point Standings  
V60MS

RANK	CURRENT AS OF NAME	YOB	7/10/2025 DIVISION	ROLLING POINTS	V60 - JAN PLACE	2025 POINTS	V60 - APR PLACE	2025 POINTS	V60 - NTLS PLACE	2025 POINTS	V60 - WORLDS PLACE	2024 POINTS
1	Matt, George C	1962	Virginia	1708	2	368	3	340	7	276	1	1000
2	Runyan, Joshua	1958	San Diego	1466	3	340	7	276	np	0	3	850
3	Thornton, Ronald J	1966	Virginia	1250	np	0	np	0	np	0	np	0
4	Becker, William	1965	Arizona	800	3	340	1	400	1	400	np	0
5	Kizik, Val	1961	Indiana	768	1	400	2	368	3	340	np	0
6	Bacon, Michael F	1966	Metro NYC	680	np	0	np	0	np	0	np	0
7	Herrera, Richard	1962	Oregon	648	np	0	5	280	2	368	np	0
8	Escueta Jr, Antonio V	1966	North TX	620	np	0	np	0	np	0	np	0
9	Heck, Steven	1961	Capitol	618	17	140	6	278	3	340	np	0
10	Dashnaw, Stephen M	1964	New Jersey	560	5	280	13	206	5	280	np	0
11	Gueble, Jeffrey R	1959	Western WA	554	9	214	3	340	np	0	np	0
12	Chu, Kevin	1966	Metro NYC	482	np	0	np	0	np	0	np	0
13	Wildman, Steve	1959	Kansas	480	13	206	8	274	18	138	np	0
14	Lear, Donald W	1959	Central PA	474	8	274	16	200	19	136	np	0
15T	Hicha, Paul	1957	Arizona	420	10	212	12	208	16	200	np	0
15T	Srere, Mark A.	1959	Capitol	420	12	208	10	212	np	0	np	0
17	Mighell, Jason	1963	Colorado	418	19	136	9	214	14	204	np	0
18	Bukowski, Todd	1962	Capitol	416	7	276	np	0	17	140	np	0
19T	Remete, Tomas	1957	Gold Coast	412	15	202	11	210	np	0	np	0
19T	Creten, Joachim	1962	Oregon	412	np	0	14	204	12	208	np	0
21	Elder, John	1961	Maryland	410	16	200	np	0	11	210	np	0
22	Park, James	1966	Arizona	345	np	0	np	0	np	0	np	0
23	Su, Ji	1957	Virginia	340	18	138	18	138	15	202	np	0
24	Falkowski, Steven P	1966	Northern CA	334	np	0	np	0	np	0	np	0
25	Krasnich, Mike	1961	CAN	330	23	128	15	202	np	0	np	0
26T	Dahl, Chris	1957	New England	278	np	0	np	0	6	278	np	0
26T	Milne, Will J	1960	Northern California	278	6	278	np	0	np	0	11	0
28	Myers, Brent M	1957	Central FL	274	np	0	np	0	8	274	np	0
29	Martinez, Mario D	1966	Central CA	266	np	0	np	0	np	0	np	0
30	Gormley, Peter J	1961	New England	264	21	132	np	0	21	132	np	0
31	Stone Brad	1966	Central California	260	np	0	np	0	np	0	np	0
32	Margil, David	1966	New England	248	np	0	np	0	np	0	np	0
33	Neverovich, Vitaly V	1962	Michigan	212	np	0	np	0	10	212	np	0
14T	Vidovszky, Tamas J	1964	Mountain Valley, CA	210	11	210	np	0	np	0	np	0
35	Kopylov, Dmitri	1960	New Jersey	206	np	0	np	0	13	206	np	0
36	Lillard, Samuel N	1963	Columbus, OH	140	np	0	17	140	np	0	np	0
37T	Chang, Henry	1958	Hawaii	134	np	0	20	134	np	0	np	0
37T	Carothers, Michael B	1963	Kansas	134	20	134	np	0	np	0	np	0
37T	Sims Martin	1965	Virginia	134	np	0	np	0	20	134	np	0
40T	Mehta, Nalin J	1963	Colorado	130	22	130	np	0	np	0	np	0
40T	Weber, Jeffrey	1965	Metro NYC	130	np	0	np	0	22	130	np	0
42	Nemazie, David A	1966	Maryland	122	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2025-2026 USA Fencing Rolling Point Standings  
V60MS

CURRENT AS OF 7/10/2025	V50 - JAN PLACE	2025 POINTS	V50 - APR PLACE	2025 POINTS	V50 - NTLS PLACE	2024 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2024 POINTS
Matt, George C	np	0	np	0	np	0	np	0
Runyan, Joshua	np	0	np	0	np	0	np	0
Thornton, Ronald J	1	400	1	400	2	368	3	850
Becker, William	np	0	np	0	np	0	np	0
Kizik, Val	np	0	np	0	np	0	np	0
Bacon, Michael F	3	340	3	340	3	340	np	0
Herrera, Richard	np	0	np	0	np	0	np	0
Escueta Jr, Antonio V	8	274	3	340	5	280	42	0
Heck, Steven	np	0	np	0	np	0	np	0
Dashnaw, Stephen M	np	0	np	0	np	0	np	0
Gueble, Jeffrey R	np	0	np	0	np	0	np	0
Chu, Kevin	12	208	8	274	np	0	np	0
Wildman, Steve	np	0	np	0	np	0	np	0
Lear, Donald W	np	0	np	0	np	0	np	0
Hicha, Paul	np	0	np	0	np	0	np	0
Srere, Mark A.	np	0	np	0	np	0	np	0
Mighell, Jason	np	0	np	0	np	0	np	0
Bukowski, Todd	np	0	np	0	np	0	np	0
Remete, Tomas	np	0	np	0	np	0	np	0
Creten, Joachim	np	0	np	0	np	0	np	0
Elder, John	np	0	np	0	np	0	np	0
Park, James	17.5	139	13	206	22	130	np	0
Su, Ji	np	0	np	0	np	0	np	0
Fialkowski, Steven P	np	0	12	208	24	126	np	0
<i>Krasnich, Mike</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Dahl, Chris	np	0	np	0	np	0	np	0
Milne, Will J	np	0	np	0	np	0	np	0
Myers, Brent M	np	0	np	0	np	0	np	0
Martinez, Mario D	21	132	20	134	np	0	np	0
Gormley, Peter J	np	0	np	0	np	0	np	0
Stone Brad	np	0	19	136	25	124	np	0
Margil, David	22	130	np	0	28	118	np	0
Neverovich, Vitaly V	np	0	np	0	np	0	np	0
Vidovszky, Tamas J	np	0	np	0	np	0	np	0
Kopylov, Dmitri	np	0	np	0	np	0	np	0
Lillard, Samuel N	np	0	np	0	np	0	np	0
Chang, Henry	np	0	np	0	np	0	np	0
Carothers, Michael B	np	0	np	0	np	0	np	0
Sims Martin	np	0	np	0	np	0	np	0
Mehta, Nalin J	np	0	np	0	np	0	np	0
Weber, Jeffrey	np	0	np	0	np	0	np	0
Nemazie, David A	np	0	np	0	26	122	np	0

np = Did not earn points (including not competing)